

令和2年度

10月 行事日課予定表

生徒・家庭配布用

札幌市立新琴似中学校(札幌市北区新琴似7条4丁目1-1)

		第1週			第2週			第3週			第4週			第5週															
		1年	2年	3年	1年	2年	3年	1年	2年	3年	1年	2年	3年	1年	2年	3年													
月	5	月の1・2・3・4・5・避 避難訓練(6校時)			1 G1 G1 G1	12			I 期時間割開始			1 G1 G1 G1	19			月の1・2・3・4・5・立 立会演説会(6校時)			1 G1 G1 G1	26			月の1・2・3・4・5・金の6			1 G1 G1 G1			
		給食	2 G2 G2 G2				2 G2 G2 G2				2 G2 G2 G2				2 G2 G2 G2				2 G2 G2 G2				2 G2 G2 G2						
		0.0.0.0	3 G3 G3 G3				3 G3 G3 G3				3 G3 G3 G3				3 G3 G3 G3				3 G3 G3 G3				3 G3 G3 G3						
			4 G4 G4 G4				4 G4 G4 G4				4 G4 G4 G4				4 G4 G4 G4				4 G4 G4 G4				4 G4 G4 G4						
			5 G5 G5 G5	テスト前諸活動停止 ※完全下校 学校諸費再引き落とし日			5 G5 G5 G5	0.0.0.0			5 G5 G5 G5	0.0.0.0			5 G5 G5 G5	0.0.0.0			5 G5 G5 G5	0.0.0.0			5 G5 G5 G5	0.0.0.0					
			6 避 避 避				6 避 避 避				6 U U U				6 U U U				6 立 立 立				6 F6 U U						
火	6				1 K1 K1 K1	13						1 K1 K1 K1	20			火の1・2・3・4・5・学			1 K1 K1 K1	27						1 K1 K1 K1			
		給食	2 K2 K2 K2				2 K2 K2 K2				2 K2 K2 K2				2 K2 K2 K2				2 K2 K2 K2				2 K2 K2 K2						
		0.0.0.0	3 K3 K3 K3				3 K3 K3 K3				3 K3 K3 K3				3 K3 K3 K3				3 K3 K3 K3				3 K3 K3 K3						
			4 K4 K4 K4				4 K4 K4 K4	給食			4 K4 K4 K4	給食			4 K4 K4 K4	給食			4 K4 K4 K4	給食			4 K4 K4 K4						
			5 K5 K5 K5	テスト前諸活動停止 ※完全下校			5 K5 K5 K5	0.0.0.0			5 K5 K5 K5	0.0.0.0			5 K5 K5 K5	0.0.0.0			5 K5 K5 K5	0.0.0.0			5 K5 K5 K5	0.0.0.0					
			6 道 道 道				6 道 道 道				6 道 道 道				6 学 学 学				6 学 学 学				6 道 道 道						
水	7				1 S1 S1 S1	14						1 S1 S1 S1	21			歯科検診(全学年)			1 S1 S1 S1	28						1 S1 S1 S1			
		給食	2 S2 S2 S2				2 S2 S2 S2				2 S2 S2 S2				2 S2 S2 S2				2 S2 S2 S2				2 S2 S2 S2						
		0.0.0.0	3 S3 S3 S3				3 S3 S3 S3				3 S3 S3 S3				3 S3 S3 S3				3 S3 S3 S3				3 S3 S3 S3						
			4 S4 S4 S4				4 S4 S4 S4	給食			4 S4 S4 S4	給食			4 S4 S4 S4	給食			4 S4 S4 S4	給食			4 S4 S4 S4						
			5 S5 S5 S5	テスト前諸活動停止 ※完全下校			5 S5 S5 S5	0.0.0.0			5 S5 S5 S5	0.0.0.0			5 S5 S5 S5	0.0.0.0			5 S5 S5 S5	0.0.0.0			5 S5 S5 S5	0.0.0.0					
			6 S6 S6 S6				6 S6 S6 S6				6 S6 S6 S6				6 学 学 学				6 学 学 学				6 道 道 道						
木	1	月の5・木の1・2・3・4 常任委員会・局会・全協 (15:05)			1 G5 G5 G5	8			前期末試験①			1 F1 F1 国	22			常任委員会・局会・全協 (15:05)			1 M1 M1 M1	29			木の1・2・3・4・認 認証式(5校時)(昼リハ-サル)			1 M1 M1 M1			
		給食	2 M1 M1 M1				2 英 英 英	15			金曜授業			2 F2 F2 教				2 M2 M2 M2				2 M2 M2 M2							
		0.0.0.0	3 M2 M2 M2				3 体 技 音	0.0.0.0			3年学力テストB 3年進路写真撮影 眼科検診(1年生)			3 F3 F3 社				3 M3 M3 M3				3 M3 M3 M3							
			4 M3 M3 M3				4 家 音 体	給食			4 F4 F4 理	給食			4 M4 M4 M4	給食			4 M4 M4 M4	給食			4 M4 M4 M4						
			5 M4 M4 M4	部活動休養日 ※完全下校							5 F5 F5 英	0.0.0.0			5 学 学 学	0.0.0.0			5 学 学 学	0.0.0.0			5 認 認 認						
			6 道 道 道								6 F6 U U																		
金	2	金の1・2・3・4・5・月の4			1 F1 F1 F1	9			前期末試験②			1 M1 M1 M1	23						1 F1 F1 F1	30			金の1・2・3・4・5・月の6 生徒会企画(6校時)			1 F1 F1 F1			
		給食	2 F2 F2 F2				2 理 理 理	16			木の1・2・3・4・道 選挙管理委員会			2 M2 M2 M2				2 F2 F2 F2				2 F2 F2 F2							
		0.0.0.0	3 F3 F3 F3				3 国 国 国	0.0.0.0			3 F3 F3 社				3 M3 M3 M3				3 F3 F3 F3				3 F3 F3 F3						
			4 F4 F4 F4				4 音 体 技	給食			4 M4 M4 M4	給食			4 F4 F4 F4	給食			4 F4 F4 F4	給食			4 F4 F4 F4						
			5 F5 F5 F5	部活動休養日 ※完全下校							5 道 道 道	0.0.0.0			5 F5 F5 F5	0.0.0.0			5 F5 F5 F5	0.0.0.0			5 F5 F5 F5	0.0.0.0					
			6 G4 G4 G4												6 F6 U U				6 U U U				6 U U U						
土	3																												
日	4	A週				B週				A週				B週				A週											
備																													
考																													

学:学活 道:道徳 集:集会 式:儀式的行事 参:参観授業 U:優愛タイム

G:月 K:火 S:水 M:木 F:金